TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2024/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 01 - 2024
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Sỹ Nghiêm

2. Ông Trịnh Duy Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Chí T, sinh năm 1972

ĐKHKTT: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2023, bản tự khai ngày 02/8/2023 và quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn ông Lê Chí T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương trước và sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19 tháng 12 năm 2017. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cải vã, mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, bà N không có thai nghén. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy ông xin được ly hôn với bà Lê Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Diệp Thảo C, sinh ngày 07/12/2019. Hiện đang ở với bố và ông bà nội.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2023*:* Nguyện vọng của ông T là xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 02/8/2023, ông T nhường quyền nuôi dưỡng con cho bà N và cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng đến khi con thành niên. Tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023, ông T nhường quyền nuôi con cho bà N, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Lê Chí T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N. Về con chung: Ông xin được trực tiếp nuôi con chung. Ông không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông đang làm quản lý nhà hàng ăn tại Hà Nội, thu nhập bình quân 15.000.000đ/1 tháng, ông cam kết đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dạy con chung.

** Tại bản tự khai ngày 02/8/2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án bị đơn là bà Lê Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N vào ngày 19 tháng 12 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay, bà xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà cũng thống nhất ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Diệp Thảo C, sinh ngày 07/12/2019. Hiện đang ở với bố và ông bà nội.

Tại bản tự khai ngày 02/8/2023: Bà nhường quyền nuôi con cho ông Lê Chí T, do hiện nay bà chưa đủ điều kiện để nuôi con; tại phiên hòa giải ngày 02/11/2023, bà và ông T thống nhất thỏa thuận: Bà trực tiếp nuôi dưỡng con

chung. bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà không ký vào biên bản hòa giải mà tự ý bỏ về.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bà N nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà N theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông Lê Chí T được ly hôn bà Lê Thị N. Giao cháu Lê Diệp Thảo C, sinh ngày 07/12/2019 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung nên không đề nghị HĐXX xem xét. Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Lê Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên việc ông Lê Chí T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N không chấp hành đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà N theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Chí T và bà Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn ngày 19/12/2017; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống không có tiếng nói chung. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông xin ly hôn với bà N, về phía bà N

cũng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên thống nhất ly hôn với ông T. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông T và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Diệp Thảo C, sinh ngày 07/12/2019. Hiện nay, con đang ở với ông T.

Nguyện vọng của ông T sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, về phía bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 02/8/2023, bà trình bày hiện nay bà chưa có điều kiện để nuôi con.Việc xin nuôi con của ông bà là chính đáng, nhưng giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét một cách toàn diện về mọi mặt, đảm bảo được quyền lợi cho con trẻ. Cháu Thảo C ở cùng bố và ông bà nội từ nhỏ, hơn nữa bà N cũng trình bày hiện nay, chưa có đủ điều kiện để nuôi con, về phía ông T hiện nay đang làm quản lý nhà hàng thu nhập bình quân 15.000.000đ/tháng. Qua xác minh tại địa phương, Cháu Thảo C đang ở với ông T và ông cam kết đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu Thảo C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và tránh làm xáo trộn cuộc sống của con.

Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Lê Chí T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Lê Chí T được ly hôn bà Lê Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Diệp Thảo C, sinh ngày 07/12/2019 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Chí T không yêu cầu bà Lê Thị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được

cản trở.

3. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số AA/2021/0007321 ngày 27/6/2023. Chấp nhận ông T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm có mặt ông T, vắng mặt bà N. Ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/01/2024). Bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Tuyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Nghiêm **Trịnh Duy Cường** **Lê Xuân Tuyên**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Yên Mỹ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TH13.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Tuyên